

# BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 12/2025

## LĨNH VỰC DOANH NGHIỆP

### I. Thông tư 31/2025/TT-NHNN

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 31/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước ban hành ngày 30/9/2025 quy định về hoạt động của công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản
<b>2. Văn bản thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế Quyết định 1390/2001/QĐ-NHNN của Ngân hàng nhà nước ngày 07/11/2001 ban hành điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	01/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>07 hoạt động công ty quản lý nợ được thực hiện từ ngày 01/12/2025, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Quản lý nợ, xử lý nợ theo ủy quyền của Bên ủy quyền theo quy định tại Điều 6 Thông tư 31/2025/TT-NHNN</li><li>- Quản lý, khai thác tài sản bảo đảm của khoản nợ theo ủy quyền của Bên ủy quyền theo quy định tại Điều 6 Thông tư 31/2025/TT-NHNN</li><li>- Khai thác tài sản theo ủy quyền của Bên ủy quyền thông qua việc cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của Bên ủy quyền chưa sử dụng hết phù hợp với quy định tại Điều 139 Luật Các tổ chức tín dụng 2024</li><li>- Mua, bán nợ theo quy định tại Điều 7 Thông tư 31/2025/TT-NHNN</li><li>- Mua tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Điều 8 Thông tư 31/2025/TT-NHNN</li><li>- Các hoạt động xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khác theo phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</li><li>- Định giá tài sản bảo đảm của khoản nợ trong quá trình thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1, 2, 4, 5 và 6 Điều 4 Thông tư 31/2025/TT-NHNN</li></ul> <p>Khoản nợ được xử lý trong hoạt động của công ty quản lý nợ</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Công ty quản lý nợ thực hiện quản lý nợ, khai thác tài sản quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Thông tư 31/2025/TT-NHNN đối với các khoản nợ</li></ul>

	<p>là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khoản nợ quá hạn, khoản nợ xấu bao gồm nợ xấu đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán, nợ xấu đã sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nhưng chưa thu hồi được nợ và đang theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;</li> <li>+ Khoản nợ mà Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ủy quyền cho Bên ủy quyền.</li> </ul> <p>Công ty quản lý nợ thực hiện quản lý nợ, khai thác tài sản đối với khoản nợ mà Công ty quản lý tài sản của tổ chức tín dụng Việt Nam ủy quyền cho Bên ủy quyền theo quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, phù hợp với quy định về ủy quyền lại tại Bộ luật Dân sự 2015.</p> <p>- Công ty quản lý nợ thực hiện mua, bán các khoản nợ quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư 31/2025/TT-NHNN phát sinh từ nghiệp vụ cho vay, khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh, khoản phải thu từ hợp đồng cho thuê tài chính là khoản nợ quá hạn, khoản nợ xấu.</p>
--	--

**II. Thông tư 96/2025/TT-BTC**

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 96/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2025 bãi bỏ Thông tư số 19/2003/TT-BTC ngày 20/3/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ và quản lý cổ phiếu quỹ trong công ty cổ phần
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế Thông tư số 19/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 20/3/2003 hướng dẫn điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ và quản lý cổ phiếu quỹ trong công ty cổ phần
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	15/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	Bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 19/2003/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ và quản lý cổ phiếu quỹ trong công ty cổ phần

**LĨNH VỰC TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG**

**I. Nghị định 304/2025/NĐ-CP**

<b>1. Tên văn bản</b>	Nghị định 304/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 25/11/2025 quy định điều kiện tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thu giữ
-----------------------	--

<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Không
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	01/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Điều kiện tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thu giữ từ 01/12/2025, được quy định như sau:</p> <p>(1) Đối với tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là chỗ ở duy nhất hoặc công cụ lao động chủ yếu hoặc duy nhất: Chỉ được thu giữ khi đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều 198a Luật Các tổ chức tín dụng 2024 số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi 2025 số 96/2025/QH15 và một trong các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp thu giữ chỗ ở duy nhất đã được xác nhận và chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 304/2025/NĐ-CP, bên nhận bảo đảm trích một khoản tiền cho bên bảo đảm bằng 12 tháng lương tính theo mức lương tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 304/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Trường hợp thu giữ công cụ lao động chủ yếu hoặc duy nhất không hình thành từ vốn vay đã được xác nhận và chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 304/2025/NĐ-CP, bên nhận bảo đảm trích một khoản tiền cho bên bảo đảm bằng 06 tháng lương tính theo mức lương tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 304/2025/NĐ-CP.</li> </ul> <p>(2) Đối với tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu không phải là chỗ ở duy nhất hoặc công cụ lao động chủ yếu hoặc duy nhất: Được thu giữ khi đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều 198a Luật Các tổ chức tín dụng 2024 số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi 2025 số 96/2025/QH15.</p> <p>Nghị định 304/2025/NĐ-CP áp dụng đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức tín dụng.</li> <li>- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</li> <li>- Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ.</li> <li>- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức, hoạt động, can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể, phá sản tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động, can thiệp sớm,</li> </ul>

	giải thể, chấm dứt hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; việc thành lập, hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài; việc xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.
<b>II. Thông tư 39/2025/TT-NHNN</b>	
<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 39/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành ngày 31/10/2025 quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế Thông tư 20/2015/TT-NHNN ngày 28/10/2015 quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	15/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>05 trường hợp mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức kinh tế là: Sau khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép, tổ chức kinh tế được mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài theo các nội dung quy định trong Giấy phép, Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có), quy định tại Thông tư 39/2025/TT-NHNN và quy định pháp luật nước sở tại nơi tổ chức kinh tế mở tài khoản trong các trường hợp:</p> <p>(1) Tổ chức kinh tế mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật nước sở tại.</p> <p>(2) Tổ chức kinh tế mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài phục vụ cho hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.</p> <p>(3) Tổ chức kinh tế là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi là bên đi vay) mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài theo thỏa thuận với bên cho vay nước ngoài. Bên đi vay có thể dùng 01 tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện một hoặc nhiều khoản vay nước ngoài.</p> <p>(4) Tổ chức kinh tế là doanh nghiệp thuộc diện đầu tư đặc biệt quan trọng theo chương trình của Chính phủ; doanh nghiệp đầu tư dưới hình thức đối tác công tư (PPP) mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện các cam kết, thỏa thuận, hợp đồng với bên nước ngoài.</p> <p>(5) Tổ chức kinh tế mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để</p>

	<p>thực hiện các cam kết, thỏa thuận, hợp đồng với bên nước ngoài bao gồm hợp đồng thầu xây dựng ở nước ngoài; hợp đồng mua bán tàu với bên nước ngoài; các cam kết, thỏa thuận, hợp đồng khác với bên nước ngoài, không bao gồm việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài theo yêu cầu của bên cho vay nước ngoài.</p>
<p><b>III. Thông tư 37/2025/TT-NHNN</b></p>	
<p><b>1. Tên văn bản</b></p>	<p>Thông tư 37/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành ngày 31/10/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2024/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của Ngân hàng nhà thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</p>
<p><b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của Ngân hàng nhà thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</p>
<p><b>3. Thời điểm có hiệu lực</b></p>	<p>15/12/2025</p>
<p><b>4. Nội dung chính lưu ý</b></p>	<p>Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực từ 15/12/2025, cụ thể:</p> <p>Tại khoản 3 Điều 4 Thông tư 37/2025/TT-NHNN sửa đổi khoản 5 Điều 14 Thông tư 31/2014/TT-NHNN thì từ 15/12/2025, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Điều 5 và quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý nợ, chính sách dự phòng rủi ro của chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Điều 7 Thông tư 31/2014/TT-NHNN;</li> <li>- Thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm trong việc thực hiện phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng trên địa bàn theo thẩm quyền và theo quy định pháp luật;</li> <li>- Xử lý hồ sơ đề nghị của chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo phân công cho phép áp dụng chính sách dự phòng rủi ro của ngân hàng nước ngoài và thực hiện phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo phương pháp định tính.</li> </ul> <p>Hiện hành, tại khoản 5 Điều 14 Thông tư 31/2014/TT-NHNN thì Ngân</p>

	<p>hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý nợ, chính sách dự phòng rủi ro của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Thông tư này để phục vụ cho công tác giám sát an toàn vi mô, kiểm tra, thanh tra;</li> <li>- Thanh tra, giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm trong việc thực hiện phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng trên địa bàn theo thẩm quyền và theo quy định pháp luật.</li> </ul>
<b>IV. Thông tư 36/2025/TT-NHNN</b>	
<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 36/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành ngày 29/10/2025 hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành ngân hàng trong tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực ngân hàng
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế Thông tư số 19/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 30/12/2022 hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành ngân hàng trong tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực ngân hàng
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	29/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành ngân hàng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí việc làm về hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ, ngân hàng</li> <li>+ Chuyên viên cao cấp về hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ, ngân hàng;</li> <li>+ Chuyên viên chính về hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ, ngân hàng;</li> <li>+ Chuyên viên về hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ, ngân hàng.</li> <li>- Vị trí việc làm về quản lý hoạt động công nghệ ngân hàng</li> <li>+ Chuyên viên cao cấp về quản lý hoạt động công nghệ ngân hàng;</li> <li>+ Chuyên viên chính về quản lý hoạt động công nghệ ngân hàng;</li> <li>+ Chuyên viên về quản lý hoạt động công nghệ ngân hàng.</li> <li>- Vị trí việc làm về nghiệp vụ ngân hàng trung ương</li> <li>+ Chuyên viên cao cấp về nghiệp vụ ngân hàng trung ương;</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chuyên viên chính về nghiệp vụ ngân hàng trung ương,</li> <li>+ Chuyên viên về nghiệp vụ ngân hàng trung ương;</li> <li>+ Cán sự về nghiệp vụ ngân hàng trung ương;</li> <li>+ Nhân viên về nghiệp vụ ngân hàng trung ương.</li> <li>- Vị trí việc làm về giám sát ngân hàng</li> <li>+ Chuyên viên cao cấp về giám sát ngân hàng</li> <li>+ Chuyên viên chính về giám sát ngân hàng,</li> <li>+ Chuyên viên về giám sát ngân hàng.</li> <li>- Vị trí việc làm về kiểm soát ngân hàng</li> <li>+ Kiểm soát viên cao cấp về kiểm soát ngân hàng</li> <li>+ Kiểm soát viên chính về kiểm soát ngân hàng,</li> <li>+ Kiểm soát viên về kiểm soát ngân hàng.</li> <li>- Vị trí việc làm về phòng, chống rửa tiền</li> <li>+ Chuyên viên cao cấp về phòng, chống rửa tiền;</li> <li>+ Chuyên viên chính về phòng, chống rửa tiền;</li> <li>+ Chuyên viên về phòng, chống rửa tiền.</li> <li>- Vị trí việc làm về tiền tệ, ngân hàng quốc tế</li> <li>+ Chuyên viên cao cấp về tiền tệ, ngân hàng quốc tế;</li> <li>+ Chuyên viên chính về tiền tệ, ngân hàng quốc tế.</li> <li>- Vị trí việc làm về quản lý tổ chức tín dụng</li> <li>+ Chuyên viên cao cấp về quản lý tổ chức tín dụng;</li> <li>+ Chuyên viên chính về quản lý tổ chức tín dụng;</li> <li>+ Chuyên viên về quản lý tổ chức tín dụng.</li> </ul>
--	---

## LĨNH VỰC ĐẦU TƯ

### I. Thông tư 40/2025/TT-NHNN

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 40/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành ngày 31/10/2025 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế Thông tư 31/2018/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành ngày 18/12/2018 hướng dẫn về quản lý ngoại hối với đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	15/12/2025

<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Nguyên tắc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ trước đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động đầu khí</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhà đầu tư phải mở 01 tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại 01 ngân hàng được phép để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài nhằm đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định 132/2024/NĐ-CP (sau đây gọi là tài khoản ngoại tệ trước đầu tư).</li><li>- Nhà đầu tư phải mở 01 tài khoản ngoại tệ trước đầu tư cho mỗi dự án đầu tư ra nước ngoài. Trường hợp một dự án đầu tư ở nước ngoài có nhiều nhà đầu tư cùng tham gia, mỗi nhà đầu tư phải mở 01 tài khoản ngoại tệ trước đầu tư để thực hiện các giao dịch liên quan. Mọi giao dịch thu, chi liên quan đến chuyển ngoại tệ trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 5 Thông tư 40/2025/TT-NHNN phải được thực hiện thông qua tài khoản ngoại tệ trước đầu tư.</li><li>- Nhà đầu tư khi có nhu cầu thay đổi loại ngoại tệ mở tài khoản ngoại tệ trước đầu tư bằng loại ngoại tệ khác tại cùng 01 ngân hàng được phép hoặc thay đổi ngân hàng được phép mở tài khoản ngoại tệ trước đầu tư (gồm cả thay đổi loại ngoại tệ), trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày mở tài khoản ngoại tệ trước đầu tư mới, nhà đầu tư thực hiện chuyển đổi ngoại tệ, chuyển số dư ngoại tệ trên tài khoản ngoại tệ trước đầu tư đã mở trước đây sang tài khoản ngoại tệ trước đầu tư mới, đồng thời đóng tài khoản ngoại tệ trước đầu tư đã mở trước đây. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến chuyển ngoại tệ trước đầu tư trên tài khoản ngoại tệ trước đầu tư mới mở sau khi đã đóng tài khoản ngoại tệ trước đầu tư đã mở trước đây.</li><li>- Trường hợp không hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài hoặc không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư thực hiện chuyển số ngoại tệ đã chuyển ra nước ngoài nhưng chưa sử dụng hết về Việt Nam (nếu có) thông qua tài khoản ngoại tệ trước đầu tư và phải đóng tài khoản ngoại tệ trước đầu tư đã mở.</li><li>- Sau khi dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, tài khoản ngoại tệ trước đầu tư quy định tại Điều này được sử dụng làm tài khoản vốn đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định 132/2024/NĐ-CP và nhà đầu tư phải thực hiện đăng ký giao dịch ngoại hối với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực) theo quy định tại Điều 10 Thông tư 40/2025/TT-NHNN.</li></ul>
--------------------------------	--



## LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN

### I. Thông tư 102/2025/TT-BTC

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 102/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 29/10/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 91/2020/TT-BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 91/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 13/11/2020 quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	15/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán từ 15/12/2025:</p> <p>Theo đó, khoản 2 Điều 7 Thông tư 91/2020/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 91/2020/TT-BTC quy định các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu như sau:</p> <p>(1) Trái phiếu chuyển đổi trừ trường hợp đã được tính là vốn khả dụng tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư 91/2020/TT-BTC, cổ phiếu ưu đãi hoàn lại do tổ chức kinh doanh chứng khoán phát hành thỏa mãn tất cả những điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỳ hạn ban đầu tối thiểu là 05 năm;</li> <li>- Không được bảo đảm bằng tài sản của chính tổ chức kinh doanh chứng khoán;</li> <li>- Trái phiếu chuyển đổi không được mua lại trước hạn hoặc chỉ được mua lại trước hạn khi điều khoản trái phiếu quy định tổ chức phát hành được mua lại trái phiếu trước hạn theo đề nghị của người sở hữu trái phiếu hoặc mua lại trên thị trường thứ cấp và việc mua lại trái phiếu chuyển đổi này được thực hiện khi đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư 91/2020/TT-BTC sau khi tổ chức kinh doanh chứng khoán báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Thông tư 91/2020/TT-BTC</li> <li>- Tổ chức kinh doanh chứng khoán được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ</li> <li>- Trong trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán giải thể, người sở hữu chỉ được thanh toán sau khi tổ chức kinh doanh chứng khoán đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác;</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc điều chỉnh tăng lãi suất, kể cả việc điều chỉnh tăng lãi suất cộng thêm vào lãi suất tham chiếu chỉ được thực hiện sau 05 năm kể từ ngày phát hành và được điều chỉnh 01 lần trong suốt thời hạn trước khi chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;</li> <li>- Đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư 91/2020/TT-BTC;</li> </ul> <p>(2) Các công cụ nợ khác thỏa mãn tất cả những điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Là khoản nợ mà trong mọi trường hợp, chủ nợ chỉ được thanh toán sau khi tổ chức kinh doanh chứng khoán đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác;</li> <li>- Có kỳ hạn ban đầu tối thiểu là mười năm;</li> <li>- Không được bảo đảm bằng tài sản của chính tổ chức kinh doanh chứng khoán;</li> <li>- Tổ chức kinh doanh chứng khoán được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ;</li> <li>- Chủ nợ chỉ được tổ chức kinh doanh chứng khoán trả nợ trước hạn sau khi đã thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 7 Thông tư 91/2020/TT-BTC.</li> <li>- Việc điều chỉnh tăng lãi suất phải đảm bảo như sau: Đối với lãi suất cố định, việc điều chỉnh tăng lãi suất cộng thêm vào lãi suất tham chiếu chỉ được thực hiện sau năm năm kể từ ngày phát hành, ký kết hợp đồng và chỉ được điều chỉnh một lần trong suốt thời hạn của nợ thứ cấp; Đối với lãi suất tính theo công thức, công thức không được thay đổi và chỉ được thay đổi biên độ trong công thức (nếu có) một lần sau năm năm kể từ ngày phát hành, ký kết hợp đồng;</li> <li>- Đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư 91/2020/TT-BTC.</li> </ul>
--	--

**LĨNH VỰC LAO ĐỘNG**

**I. Thông tư 19/2025/TT-BNV**

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 19/2025/TT-BNV của Bộ Nội vụ ban hành ngày 08/10/2025 quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ kiểm định kỹ thuật máy móc, thiết bị vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa</b>	Không

<b>đổi, bổ sung</b>	
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	01/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	
<b>LĨNH VỰC KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN</b>	
<b>I. Thông tư 38/2025/TT-NHNN</b>	
<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 38/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ngày 31/10/2025 ban hành quy chế kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ ngân hàng nhà nước Việt Nam
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế Thông tư 06/2020/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ngày 30/6/2020 quy định về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ Ngân hàng nhà nước Việt Nam
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	15/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	
<b>LĨNH VỰC Y TẾ</b>	
<b>I. Thông tư 41/2025/TT-BYT</b>	
<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 41/2025/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 03/11/2025 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay thế Thông tư liên tịch 10/2015/TTLT-BYT-BNV ban hành ngày 27/5/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ</li> <li>- Sửa đổi, bổ sung Thông tư 03/2022/TT-BYT ban hành ngày 26/4/2022 sửa đổi quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế</li> </ul>
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	18/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	
<b>LĨNH VỰC KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ</b>	

<b>I. Thông tư 35/2025/TT-BKHCN</b>	
<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 35/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 17/11/2025 ban hành quy chế kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp và quy chế kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Không
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	15/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Quy chế này quy định công tác tổ chức kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>Đối tượng áp dụng là các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 43 Nghị định 133/2025/NĐ-CP.</p> <p>Việc kiểm tra được thực hiện dưới dạng bài viết luận trên giấy trong khoảng thời gian từ 120-180 phút đối với mỗi môn kiểm tra. Đề bài kiểm tra được xây dựng theo thang điểm 10.</p> <p>Nội dung kiểm tra bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Môn pháp luật sở hữu công nghiệp: là môn kiểm tra bắt buộc đối với tất cả các chuyên ngành giám định;</li> <li>- Một trong số các môn chuyên ngành giám định sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Môn giám định sáng chế (gồm cả giải pháp hữu ích) và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn (đối với các cá nhân đăng ký chuyên ngành giám định “sáng chế và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn”);</li> <li>+ Môn giám định kiểu dáng công nghiệp (đối với các cá nhân đăng ký chuyên ngành giám định “kiểu dáng công nghiệp”);</li> <li>+ Môn giám định nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý (gồm cả tên gọi xuất xứ hàng hoá) (đối với các cá nhân đăng ký chuyên ngành giám định “nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý”).</li> </ul> </li> </ul> <p>Kỳ kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp được tổ chức theo quy định tại Điều 43 Nghị định 133/2025/NĐ-CP. Thời gian và địa điểm tổ chức kiểm tra cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.</p> <p>Thông báo tổ chức kiểm tra, các quy định về hình thức kiểm tra, thời gian tổ chức kỳ kiểm tra và địa điểm tổ chức làm bài kiểm tra phải được</p>

	<p>đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thông báo cho Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Sở hữu trí tuệ) trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày đăng.</p>
<p><b>II. Thông tư 24/2025/TT-BKHCHN</b></p>	
<p><b>1. Tên văn bản</b></p>	<p>Thông tư 24/2025/TT-BTC của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 30/10/2025 ban hành bảng phân loại lĩnh vực khoa học và công nghệ</p>
<p><b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b></p>	<p>Thay thế Quyết định 12/2008/QĐ-BKHCHN ngày 04/9/2008 về việc ban hành một số bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ</p>
<p><b>3. Thời điểm có hiệu lực</b></p>	<p>15/12/2025</p>
<p><b>4. Nội dung chính lưu ý</b></p>	<p>Nội dung Bảng phân loại lĩnh vực khoa học và công nghệ được xây dựng theo cấu trúc phân cấp gồm: lĩnh vực, ngành, chuyên ngành, phân ngành.</p> <p>Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>Nội dung Bảng phân loại lĩnh vực khoa học và công nghệ được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã cấp 1 gồm 6 lĩnh vực khoa học và công nghệ được đánh mã số từ 1 đến 6. Bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khoa học tự nhiên</li> <li>+ Khoa học kỹ thuật và công nghệ</li> <li>+ Khoa học y, dược</li> <li>+ Khoa học nông nghiệp</li> <li>+ Khoa học xã hội</li> <li>+ Khoa học nhân văn</li> </ul> </li> <li>- Mã cấp 2 gồm 46 ngành khoa học và công nghệ, được hình thành theo từng mã cấp 1 tương ứng và mỗi ngành được đánh mã số bằng ba chữ số từ 101 đến 699.</li> <li>- Mã cấp 3 gồm 328 chuyên ngành nghiên cứu, được hình thành theo từng mã cấp 2 tương ứng và mỗi ngành được đánh mã số bằng năm chữ số từ 10101 đến 60499.</li> <li>- Mã cấp 4 gồm 1780 phân ngành nghiên cứu, được hình thành theo từng mã cấp 3 tương ứng và mỗi ngành được đánh mã số bằng bảy chữ số từ 1010101 đến 6040799.</li> </ul> <p>Mục đích sử dụng bảng phân loại lĩnh vực khoa học và công nghệ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng phân loại lĩnh vực khoa học và công nghệ được sử dụng để phục</li> </ul>

	<p>vụ công tác thống kê khoa học và công nghệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng phân loại lĩnh vực khoa học và công nghệ được sử dụng kết hợp với các bảng phân loại khác để phục vụ cho công tác thống kê kinh tế - xã hội và các mục đích khác.</li> <li>- Các cơ quan quản lý khoa học và công nghệ sử dụng để theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ, phân bổ nguồn lực, hoạch định chiến lược, chính sách.</li> </ul>
--	--

## LĨNH VỰC GIÁO DỤC

### I. THÔNG TƯ 92/2025/TT-BTC

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 92/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 03/10/2025 về việc bãi bỏ Thông tư liên tịch số 15/2010/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 29/01/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và đào tạo hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chương trình đảm bảo chất lượng giáo dục trường học giai đoạn 2010 - 2015 và Thông tư liên tịch số 143/2013/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 18/10/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư liên tịch số 15/2010/TTLT-BTC-BGDĐT.
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay thế Thông tư liên tịch số 15/2010/TTLT-BTC-BGDĐT ban hành ngày 29/01/2010 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chương trình đảm bảo chất lượng giáo dục trường học giai đoạn 2010 – 2015</li> <li>- Thay thế Thông tư liên tịch 143/2013/TTLT-BTC-BGDĐT ban hành ngày 18/10/2013 sửa đổi Thông tư liên tịch số 15/2010/TTLT-BTC-BGDĐT hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chương trình đảm bảo chất lượng giáo dục trường học giai đoạn 2010 – 2015</li> </ul>
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	01/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	

### II. Thông tư 23/2025/TT-BGDĐT

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 23/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành ngày 24/10/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 17/2023/TT-BGDĐT ngày 10/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo
<b>2. Văn bản bị</b>	Sửa đổi, bổ sung Thông tư 17/2023/TT-BGDĐT ngày 10/10/2023 về

<b>thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	quy chế thi học sinh giỏi cấp quốc gia
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	09/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	
<b>LĨNH VỰC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH</b>	
<b>I. Nghị định số 285/2025/NĐ-CP</b>	
<b>1. Tên văn bản</b>	Nghị định số 185/2025/NĐ-CP ban hành ngày 03/11/2025 về việc bãi bỏ một số Nghị định của Chính phủ
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi, bổ sung Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</li> <li>- Sửa đổi, bổ sung Nghị định 65/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu.</li> </ul>
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	30/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Bãi bỏ toàn bộ các nghị định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức.</li> <li>2. Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.</li> <li>3. Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng.</li> <li>4. Nghị định số 27/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định việc huy động các lực lượng Cảnh sát khác và Công an xã phối hợp với Cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong trường hợp cần thiết.</li> <li>5. Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.</li> </ol>

	<p>6. Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.</p> <p>7. Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>8. Nghị định số 63/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định về công nghiệp an ninh.</p>
--	---

**II. Thông tư 22/2025/TT-BTP**

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 22/2025/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, thẻ chấp hành viên, thẻ thẩm tra viên trong hệ thống thi hành án dân sự
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Sửa đổi, bổ sung Thông tư 02/2017/TT-BTP ngày 23/3/2017 hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	29/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Tại Điều 10 Thông tư 22/2025/TT-BTP có quy định về Mẫu, nội dung thẻ Chấp hành viên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình dáng, kích thước thẻ Chấp hành viên</li> <li>+ Kích thước: Chiều dài 86 mm, chiều rộng 54 mm;</li> <li>+ Chất liệu: Nhựa;</li> <li>+ Font chữ: Times New Roman;</li> <li>- Mẫu thẻ Chấp hành viên</li> <li>+ Mặt trước: Nền màu đỏ, in mờ hoa văn hình trống đồng, trên cùng là dòng chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” (màu vàng, in hoa, đậm, cỡ chữ 7); ở giữa là hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phía dưới Quốc huy là dòng chữ “THẺ CHẤP HÀNH VIÊN” (màu vàng, in hoa, đậm, cỡ chữ 12);</li> <li>+ Mặt sau: Nền màu kem hồng; ở giữa có hoa văn hình trống đồng; có một gạch chéo màu đỏ kéo dài từ mép trên đến hết mép dưới của Thẻ, giữa gạch chéo có một ngôi sao vàng.</li> </ul> <p>Phía trên góc trái có dòng chữ “BỘ TƯ PHÁP” (in hoa, đậm, cỡ chữ 7), dưới dòng chữ là hình biểu trưng ngành Tư pháp; dưới biểu trưng ngành là ảnh chân dung, cỡ 2x3cm của Chấp hành viên mặc trang phục ngành, đeo phù hiệu, cấp hiệu của ngạch Chấp hành viên đang giữ, đội mũ kê pi ngành có giáp lai bằng dẫu nổi ở góc dưới bên phải ảnh; dưới ảnh là số hiệu thẻ.</p> <p>Phía trên cùng bên phải là các dòng chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ</p>



	<p>NGHĨA VIỆT NAM”(chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 7), “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” (chữ thường, đậm, cỡ chữ 7); dưới Quốc hiệu có dòng chữ “THẺ CHẤP HÀNH VIÊN” (chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 12); thông tin về họ và tên (chữ in hoa, đậm, cỡ chữ 10); ngày, tháng, năm sinh, chức danh, chức vụ; đơn vị công tác (chữ thường, cỡ chữ 7); ngày, tháng, năm cấp Thẻ (chữ nghiêng, cỡ chữ 7); chữ ký, họ tên của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và đóng dấu (in đậm, cỡ chữ 7).</p> <p>- Chi tiết mẫu Thẻ Chấp hành viên tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư 22/2025/TT-BTP.</p>
<b>III. Thông tư 106/2025/TT-BTC</b>	
<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 106/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 10/11/2025 bãi bỏ Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế Thông tư 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	26/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	
<b>IV. Thông tư 20/2025/TT-BTP</b>	
<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 20/2025/TT-BTP ban hành ngày 06/11/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi, bổ sung Nghị định số 93/2025/NĐ-CP
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	22/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	Quy định về thời hạn kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính Theo đó, Điều 3 Thông tư 20/2025/TT-BTP quy định thời hạn kiểm tra

công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có nêu rõ, đối với việc tạm dừng kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

- Trong các trường hợp có sự trùng lặp, chồng chéo về đối tượng được kiểm tra hoặc khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc sự kiện bất khả kháng làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch kiểm tra, người có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch kiểm tra thì việc kiểm tra phải được tạm dừng;

- Thời gian tạm dừng việc kiểm tra không được tính vào thời hạn kiểm tra;

- Trưởng đoàn kiểm tra hoặc người được ủy quyền phải báo cáo người có thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra xem xét, quyết định tạm dừng việc kiểm tra;

- Văn bản tạm dừng việc kiểm tra được thể hiện dưới hình thức Công văn theo quy định của Chính phủ về công tác văn thư, trong đó, nêu rõ lý do, thời hạn tạm dừng;

- Công văn tạm dừng việc kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được gửi cho đoàn kiểm tra, đối tượng được kiểm tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ngay sau khi được ban hành;

- Việc kiểm tra được tiếp tục tiến hành khi lý do tạm dừng không còn. Trước khi tiếp tục tiến hành kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra hoặc người được ủy quyền phải báo cáo người có thẩm quyền ban hành thông báo về việc tiếp tục tiến hành kiểm tra và gửi đến đoàn kiểm tra, đối tượng được kiểm tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Ngoài ra, các trường hợp cần thiết phải gia hạn thời hạn kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định 19/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 93/2025/NĐ-CP bao gồm:

- Cuộc kiểm tra thuộc một trong các trường hợp sau đây: hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nhiều tình tiết phức tạp cần xác minh, làm rõ; đối tượng được kiểm tra không phối hợp hoặc gây khó khăn cho việc kiểm tra;

- Địa điểm kiểm tra ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo hoặc nơi đi lại khó khăn.

Chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước khi kết thúc thời hạn kiểm tra theo quy định, Trưởng đoàn kiểm tra hoặc người được ủy quyền phải báo cáo người có thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra xem xét, quyết định gia hạn thời gian kiểm tra.

Quyết định gia hạn thời gian kiểm tra được gửi cho đoàn kiểm tra, đối tượng được kiểm tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ngay

	sau khi được ban hành.
<b>V. Thông tư 19/2025/TT-BTP</b>	
<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 19/2025/TT-BTP ban hành ngày 31/10/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2023/TT/2023 ngày 16/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ bộ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế Thông tư 16/2018/TT-BTP quy định về chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	16/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính từ 16/12/2025</p> <p>Theo đó, tại Điều 2 Thông tư 19/2025/TT-BTP sửa đổi bổ sung Điều 3 Thông tư 01/2023/TT-BTP quy định về chế độ báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ, thời hạn gửi báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính định kỳ cụ thể như sau:</p> <p>(1) Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo định kỳ hằng năm nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin tổng hợp, toàn diện để phục vụ công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính, được thực hiện theo một chu kỳ xác định và lặp lại nhiều lần; bao gồm các thành phần nội dung quy định tại Điều 5 Thông tư 01/2023/TT-BTP;</li> <li>- Báo cáo chuyên đề nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin có tính chuyên sâu thuộc lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính để phục vụ công tác quản lý nhà nước, được thực hiện một hoặc nhiều lần trong khoảng thời gian nhất định.</li> </ul> <p>Báo cáo chuyên đề được thực hiện bằng văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền, bao gồm các thành phần nội dung quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định 09/2019/NĐ-CP;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đột xuất nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin về vấn đề phát sinh đột xuất trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính, được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền để phục vụ công tác quản lý</li> </ul>

	<p>nhà nước.</p> <p>Báo cáo đột xuất được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền, bao gồm các thành phần nội dung quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định 09/2019/NĐ-CP.</p> <p>(2) Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.</p> <p>(3) Thời hạn gửi báo cáo định kỳ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của cấp trên trực tiếp;</li> <li>- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo đến Bộ Tư pháp chậm nhất vào ngày 21 tháng 12 của kỳ báo cáo;</li> <li>- Bộ Tư pháp có trách nhiệm báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi cả nước chậm nhất vào ngày 25 tháng 12 của kỳ báo cáo.</li> </ul>
<b>VI. Thông tư 22/2025/TT-BNV</b>	
<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 22/2025/TT-BNV ngày 19/10/2025 ban hành nội quy và quy chế thi tuyển, xét tuyển công chức
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Sửa đổi, bổ sung Thông tư 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	26/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Ban hành Nội quy và Quy chế thi tuyển công chức áp dụng từ 10/12/2025</p> <p>Theo đó, Ban hành kèm theo Thông tư này Nội quy và Quy chế thi tuyển, xét tuyển công chức.</p> <p>Đơn cử, một số nội quy đối với thí sinh thi tuyển, xét tuyển công chức như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phải có mặt tại phòng thi đúng giờ quy định. Thí sinh dự thi đến muộn sau thời điểm bắt đầu tính giờ làm bài thi, phần thi, môn thi (sau đây viết tắt là bài thi) thì được dự thi trong các trường hợp sau:</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không quá 05 phút đối với bài thi có thời gian thi tối đa 30 phút hoặc không quá 10 phút đối với bài thi có thời gian thi tối đa từ 60 phút trở lên;</li> <li>+ Các trường hợp khác do Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định</li> <li>- Trang phục gọn gàng, văn minh, lịch sự.</li> <li>- Xuất trình Thẻ căn cước công dân (bao gồm cả thẻ căn cước công dân trên ứng dụng VNeID) hoặc Thẻ căn cước hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng.</li> <li>- Ngồi đúng vị trí theo số báo danh hoặc theo vị trí do Hội đồng tuyển dụng quy định.</li> <li>- Chỉ được mang vào phòng thi: thước kẻ, bút viết để làm bài thi, nước uống đựng trong bình chứa trong suốt, các loại giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của từng bài thi, một số loại thuốc mà thí sinh dự thi có bệnh án phải mang theo, trừ trường hợp có quy định khác.</li> <li>- Tuân thủ hướng dẫn của giám thị phòng thi, thành viên Ban phông vấn, thành viên Ban vấn đáp, thành viên Ban chấm đề án (sau đây gọi là người có thẩm quyền), nếu có ý kiến hoặc thắc mắc phải hỏi công khai, giữ trật tự và không được hút thuốc hoặc sử dụng chất kích thích, các loại thức ăn, đồ uống có cồn trong phòng thi, khu vực thi.</li> <li>- Không được trao đổi thông tin, giấy thi, giấy nháp với người khác trong thời gian thi; không được nhìn bài làm của thí sinh khác hoặc có bất kỳ hành động gian lận nào khác. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, truyền tải thông tin có liên quan đến câu hỏi và đáp án ra ngoài phòng thi hoặc nhận thông tin từ ngoài vào phòng thi</li> </ul>
--	--

**VII. Thông tư 18/2025/TT-BNV**

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 18/2025/TT-BNV ban hành ngày 08/10/2025 quy định chế độ báo cáo thống kê ngành nội vụ
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế Thông tư 02/2023/TT-BNV ngày 23/3/2023 quy định vhees độ báo cáo thống kê ngành nội vụ
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	01/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	Quy định kỳ báo cáo thống kê ngành Nội vụ từ ngày 01/12/2025, như sau:

	<p>Kỳ báo cáo thống kê là khoảng thời gian nhất định quy định đối tượng báo cáo thống kê phải thể hiện kết quả hoạt động bằng số liệu theo các tiêu chí thống kê trong biểu mẫu báo cáo thống kê. Kỳ báo cáo được ghi cụ thể dưới tên biểu của từng biểu mẫu thống kê. Kỳ báo cáo thống kê được tính theo ngày dương lịch, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo thống kê năm: Báo cáo thống kê năm được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu tiên của kỳ báo cáo thống kê cho đến ngày cuối cùng của tháng thứ mười hai của kỳ báo cáo thống kê đó. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kỳ báo cáo thống kê năm lĩnh vực thi đua, khen thưởng được tính từ ngày 01 tháng 12 năm trước đến ngày 30 tháng 11 năm sau.</li> <li>+ Kỳ báo cáo thống kê năm các lĩnh vực còn lại được tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.</li> </ul> </li> <li>- Báo cáo thống kê theo nhiệm kỳ: Báo cáo thống kê nhiệm kỳ được tính bắt đầu từ ngày đầu tiên của nhiệm kỳ báo cáo thống kê cho đến ngày cuối cùng của nhiệm kỳ báo cáo thống kê đó.</li> <li>- Báo cáo thống kê đột xuất: Khi phát sinh nhu cầu thông tin đột xuất về quản lý nhà nước, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định việc thực hiện báo cáo thống kê đột xuất để thu thập thông tin phục vụ quản lý, điều hành. Số liệu báo cáo thống kê phải đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hoạt động của lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Nội vụ; tổng hợp, phân tích phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ Nội vụ, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sử dụng cho công tác đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách của ngành Nội vụ; đáp ứng yêu cầu trao đổi, cung cấp, phổ biến thông tin thống kê theo quy định của Luật thống kê và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thống kê.</li> </ul> <p>Trường hợp chỉnh sửa đối với số liệu đã báo cáo hoặc số liệu trong kỳ báo cáo có sai sót, đơn vị báo cáo phải gửi lại báo cáo theo phương thức nêu tại điểm b khoản 7 Điều 3 Thông tư 18/2025/TT-BNV</p>
--	---

**VIII. Thông tư 20/2025/TT-BNV**

<b>1. Tên văn bản</b>	Thông tư 20/2025/TT-BNV ban hành ngày 11/10/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ đối với ngành nội vụ
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay thế Thông tư 15/2023/TT-BNV ngày 15/10/2023 hướng dẫn Luật thi đua, khen thưởng đối với ngành nội vụ</li> <li>- Thay thế Thông tư 16/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 hướng dẫn Luật thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội</li> </ul>

<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	01/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	<p>Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” như sau:</p> <p>* Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng 2022.</li> <li>- Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” là tập thể các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nội vụ, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các Vụ, Văn phòng Bộ, các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội, Cục Việc làm, Cục Quản lý lao động ngoài nước, Cục Người có công, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;</li> <li>+ Trường Đại học Lao động - Xã hội, Trung tâm Công nghệ thông tin, Viện Khoa học Tổ chức nhà nước và Lao động, Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động, Báo Dân trí, Trung tâm Lao động ngoài nước, Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước;</li> <li>+ Các đơn vị cấu thành của cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư 20/2025/TT-BNV.</li> </ul> </li> </ul> <p>* Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng 2022.</li> <li>- Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” là tập thể các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nội vụ, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các Vụ, Văn phòng Bộ, các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội, Cục Việc làm, Cục Quản lý lao động ngoài nước, Cục Người có công, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;</li> <li>+ Trường Đại học Lao động - Xã hội, Trung tâm Công nghệ thông tin, Viện Khoa học Tổ chức nhà nước và Lao động, Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động, Báo Dân trí, Trung tâm Lao động ngoài nước, Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước;</li> <li>+ Các đơn vị cấu thành của cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư 20/2025/TT-BNV;</li> <li>+ Các đơn vị cấu thành của cơ quan, đơn vị quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Thông tư 20/2025/TT-BNV.</li> </ul> </li> </ul>

<b>IX. Quyết định 1329/QĐ-BNV</b>	
<b>1. Tên văn bản</b>	Quyết định 1329/QĐ-BNV ban hành ngày 12/11/2025 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Nội vụ
<b>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</b>	Thay thế Thông tư 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ
<b>3. Thời điểm có hiệu lực</b>	01/12/2025
<b>4. Nội dung chính lưu ý</b>	

**Lưu ý:** Bản tin này nhằm cung cấp các thông tin cập nhật về văn bản pháp luật mới được ban hành mà không nhằm mục đích cung cấp các tư vấn pháp lý. Nếu quý khách có nhu cầu tư vấn, hướng dẫn chi tiết về các quy định của những văn bản pháp luật nêu trên hoặc cung cấp văn bản miễn phí, xin vui lòng liên hệ Công ty Luật TNHH Trần Vũ qua số tổng đài tư vấn (84-24) 73 001 048 hoặc gửi email tư vấn đến [info@tranvulawfirm.vn](mailto:info@tranvulawfirm.vn).